

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 69/2024/DSST
Ngày: 6/9/2024
“V/v tranh chấp hội hợp đồng vay tài
sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Anh Việt;
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Vinh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hữu Thọ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 6 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp hội và hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-DS ngày 7 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST – DS ngày 22/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn H, sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ G, ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Đặng Thị H1, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa ông Đặng Văn H trình bày:

Ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị H1 là anh em ruột. Bà H1 có tham gia các dây hội do ông H làm chủ cụ thể:

- Hội 1.000.000đ, nửa tháng mở hội 01 lần (01 tháng mở hội 02 lần), hội gồm 35 phần, 24 hội viên, mở hội vào ngày 15 và ngày 30 âm hàng tháng, hội mở lần đầu vào ngày 15/4/2021, bà H1 tham gia 02 phần. Sau khi tham gia hội thì bà H1

đóng hội sống đến ngày 15/10/2021 thì hốt 01 phần được số tiền 26.500.000đ. Tháng 12/2021 bà H1 hốt phần hội còn lại. Sau khi hốt hội bà H1 có đóng hội chết đến tháng 6/2022 thì không đóng nữa. Hội mở đến tháng 10/2022 thì mãn hội. Như vậy, bà H1 còn nợ 04 tháng hội chết với số tiền 16.000.000đ ($2.000.000đ \times 02 \text{ phần} \times 4 \text{ tháng} = 16.000.000đ$).

- Hội 2.000.000đ, mỗi tháng mở 01 lần vào ngày 20 âm. Hội gồm 29 hội viên, 31 phần, hội mở ngày 20/4/2021 âm, bà H1 tham gia 01 phần. Sau khi tham gia hội bà H1 đóng hội sống đến lần thứ 10 thì hốt hội được số tiền 37.850.000đ. Hội mở đến tháng 12/2023 thì mãn. Sau khi hốt hội bà H1 đóng hội chết đến tháng 12/2022, tháng 01/2023 bà H1 không đóng hội chết, đến tháng 5/2023 âm ông H khởi kiện. Tính từ tháng 01/2023 đến tháng 12/2023 âm (ngày mãn hội) thì bà H1 còn phải đóng 12 lần hội chết với số tiền 24.000.000đ. Tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu bà H1 trả số tiền hội chết đến khi ông khởi kiện là tháng 5/2023 âm với số tiền 10.000.000đ ($2.000.000đ \times 5 \text{ tháng} = 10.000.000đ$).

- Ngày 9/5/2022, bà H1 có vay của ông H số tiền 10.000.000đ, có lập biên nhận nợ, thời hạn trả 01 tháng sau khi vay. Tuy nhiên, cho đến nay thì bà H1 chưa trả tiền vốn vay cho ông.

Vì vậy ông Đặng Văn H yêu cầu bà Đặng Thị H1 trả lại số tiền hội chết là 26.000.000đ và tiền vay là 10.000.000đ. Tổng cộng 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng), không tính lãi.

Bị đơn bà Đặng Thị H1 trình bày:

Ngày 15/4/2021, bà H1 có tham gia dây hội 1.000.000đ do ông Đặng Văn H làm chủ, hội có bao nhiêu hội viên và bao nhiêu phần bà H1 không nhớ. Hội nửa tháng khai 01 lần. Bà H1 tham gia 02 phần. Bà H1 đóng hội sống sau đó hốt hội nhưng không nhớ hốt hội vào lần thứ mấy. Sau khi hốt hội bà H1 có đóng hội chết còn nợ lại 07 lần hội chết chưa đóng. Hiện nay dây hội này bà H1 còn nợ ông H 7 lần hội chết là $07 \times 2.000.000đ = 14.000.000đ$.

Dây hội 2.000.000đ, mỗi tháng mở hội 01 lần, số hội viên và số phần hội bà H1 không nhớ. Bà H1 không nhớ ngày mở hội. Bà H1 tham gia 01 phần hội. Bà H1 đóng hội sống một thời gian thì hốt hội. Sau khi hốt hội bà H1 có đóng hội chết nhưng thời gian hốt hội và số lần đóng hội chết thì không nhớ, số tiền hội còn nợ lại bà H1 cũng không nhớ là bao nhiêu.

Trong dây hội này con của bà H1 là Trần Văn Quế A (tên trong sổ hội là Q) có tham gia 02 phần, Q cũng định hốt hội nhưng ông H không cho nên Q có điện thoại thỏa thuận với ông H, ông H có thỏa thuận với bà H1 sẽ cản trừ số tiền hội sống của Q vào hội chết của bà H1, khi thỏa thuận chỉ nói miệng, không lập giấy tờ. Khi thỏa thuận chỉ có bà H1 và ông H ngoài ra không ai chứng kiến. Sau khi thỏa thuận cản trừ thì bà H1 đã không còn nợ tiền dây hội 2.000.000đ của ông H.

Trước đây bà H1 có vay của ông H số tiền 10.000.000đ lãi suất mỗi tháng là 1.000.000đ. Khi vay không thỏa thuận thời hạn trả, sau khi vay bà H1 đã đóng lãi khoảng 7-8 tháng thì không đóng lãi nữa. Nên hiện nay bà H1 còn nợ ông H 10.000.000đ tiền vay.

Ông Đặng Văn H yêu cầu bà trả số tiền hui chết là 26.000.000đ và tiền vay 10.000.000đ. Tổng cộng là 36.000.000đ, không yêu cầu tính lãi thì bà H1 không đồng ý, bà H1 thừa nhận chỉ còn nợ ông H số tiền hui chết là 14.000.000đ và tiền nợ vay 10.000.000đ. Tổng cộng 24.000.000đ. Bà H1 đồng ý trả cho ông H số tiền còn nợ là 24.000.000đ, không tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự đúng quy định, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định, Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện theo qui định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét khởi kiện của ông Đặng Văn H yêu cầu bà Đặng Thị H1 trả số tiền hui còn 34.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận phù hợp quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Đặng Văn H khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị H1 trả số tiền hui chết 26.000.000đ và vốn vay 10.000.000đ. Tổng cộng 36.000.000đ, không tính lãi đây là vụ kiện Tranh chấp hui và hợp đồng vay tài sản. Bà Đặng Thị H1 có địa chỉ tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về hợp đồng góp hui giữa ông Đặng Văn H và bà Đặng Thị H1:

Ông H trình bày bà H1 có tham gia dây hụi 1.000.000đ nửa tháng mở hụi 01 lần, mở hụi ngày 15/7/2021 âl, hụi đến tháng 10/2022 thì mãn, bà H1 có tham gia 02 phần, bà H1 hốt hụi và đóng hụi chết đến tháng 6/2022 thì không đóng nữa nên còn nợ lại số tiền hụi sống là 16.000.000đ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2024 bà H1 trình bày có tham gia 02 phần hụi 1.000.000đ mỗi tháng khai 01 lần do ông H làm chủ. Sau khi tham gia hụi bà đã hốt và đóng hụi chết còn nợ lại 7 lần chưa đóng với số tiền 14.000.000đ. Tuy nhiên, tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 13/6/2024 bà H1 lại trình bày có tham gia 02 phần hụi 1.000.000đ của ông H làm chủ nửa tháng khai 01 lần và vẫn đóng hụi đầy đủ. Tại phiên tòa bà H1 thừa nhận có tham gia 02 phần hụi 1.000.000đ, nửa tháng khai 01 lần do ông H làm chủ.

Ông H không xác định cụ thể thời gian bà H1 hốt hụi, khi đóng hụi chết ông H cũng không lập danh sách đóng hụi, ông H trình bày bà H1 còn nợ 04 tháng hụi chết là 16.000.000đ, tuy nhiên tại văn bản trình bày ý kiến ngày 15/6/2023 thì ông H lại trình bày dây hụi 1.000.000đ bà H1 còn nợ 03 tháng cuối là 12.000.000đ. Do bà H1 thừa nhận còn nợ 07 lần hụi chết là 14.000.000đ nên chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H đối với dây hụi 1.000.000đ.

Đối với dây hụi 2.000.000đ bà H1 thừa nhận có tham gia một phần của dây hụi này, sau khi đóng hụi sống bà H1 đã hốt hụi và đã đóng hụi chết nhưng bà H1 không nhớ hốt hụi vào thời gian nào, không nhớ đóng hụi chết được bao nhiêu lần, không nhớ còn nợ số tiền hụi chết là bao nhiêu.

Ông H không thừa nhận việc thỏa thuận cản trừ tiền hụi chết của bà H1. Ông H trình bày do Quế A là con của bà H1 có tham gia 02 phần hụi của dây dụi 2.000.000đ, nhưng đã hốt 01 phần còn lại 01 phần hụi sống nhưng do Quế A đi làm xa nên bà H1 có nhận dùm tiền hốt hụi của Quế A, đến khi đóng hụi chết thì bà H1 có yêu cầu được hốt phần hụi sống còn lại nhưng ông H không đồng ý nên bà H1 có yêu cầu cản trừ tiền hụi sống sang phần hụi chết cho Quế A. Vì vậy, ông H chỉ thỏa thuận cản trừ phần hụi sống với phần hụi chết của Quế A chứ không cản trừ sang tiền hụi chết của bà H1.

Các đương sự trình bày hiện nay Quế A đi làm xa mỗi năm về quê khoảng 1- 2 lần và không cung cấp được địa chỉ cụ thể của Quế A, do đó không thể thu thập chứng cứ và làm rõ việc cản trừ tiền hụi giữa Quế A, ông H và bà H1.

Ông H trình bày đối với phần hụi của Quế A do ông chỉ thỏa thuận cản trừ với Quế A nếu trường hợp Quế A có phát sinh tranh chấp đối với phần hụi này thì ông yêu cầu được giải quyết bằng vụ án khác.

Mặc dù bà H1 trình bày có thỏa thuận với ông H để cản trừ 02 phần hụi sống của con bà là Trần Văn Q Anh sang tiền hụi chết của bà H1 nên bà không còn nợ tiền hụi chết của ông H. Tuy nhiên, việc thỏa thuận không lập văn bản không có người chứng kiến, khi thỏa thuận chỉ có bà và ông H không có mặt của ông Quế A.

Mặc khác do phần hụi 2.000.000đ đến tháng 12/2023 aal mãn hụi thì nhưng ông H chỉ yêu cầu bà H1 trả số tiền hụi chết đến khi ông khởi kiện là tháng 5/2023 âl là 10.000.000đ như vậy là có lợi cho bà H1 do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H1.

[2.1] Hợp đồng vay:

Ông H yêu cầu bà H1 trả số tiền vốn vay 10.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bà Đặng Thị H1 cũng thừa nhận còn nợ ông H số tiền 10.000.000đ và đồng ý trả cho ông H số tiền 10.000.000đ, không tính lãi.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H yêu cầu bà H1 trả số tiền vốn vay 10.000.000đ, không tính lãi.

[2.3] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đặng Văn H được chấp nhận một phần nên ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận, nhưng ông H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bà Đặng Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 147, 235 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đặng Văn H.
2. Buộc bà Đặng Thị H1 trả cho ông **Đặng Văn H** tiền hội 24.000.000đ và 10.000.000đ tiền vay. Tổng cộng 34.000.000đ (Ba mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Đặng Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đặng Thị H1 phải chịu 850.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan

